TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 -10-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Nghĩa
Bà Đỗ Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2021/HPTST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2021/HPTST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Ấp 1, xã X , huyện M, tỉnh Đ.
Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T , sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp 1, xã X , huyện M, tỉnh Đ.
(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1998, tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Đ.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, về nhà chửi bới, xúc phạm danh dự, đánh đập chị và phá hỏng đồ đạc trong nhà, gây áp lực, khủng hoảng, sợ hãi cho chị. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T .

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là Nguyễn Cao Kỳ D , sinh ngày

27/01/2000, Nguyễn Hoàng K , sinh ngày 22/02/2002, cháu Nguyễn Hoài Bảo TR, sinh ngày 05/01/2007 và cháu Nguyễn Đình S , sinh ngày 08/11/2013. Khi ly hôn, chị giao 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo Tr và Nguyễn Đình S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với 02 con chung là Nguyễn Cao Kỳ D và Nguyễn Hoàng K đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên xô xát. Anh không đồng ý ly hôn với chị Q vì lý do anh muốn hàn gắn gia đình, không muốn vợ chồng trong lúc tức giận mà tan nát gia đình.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung như chị Q đã trình bày. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo Tr , sinh ngày 05/01/2007 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/11/2013. Đối với 02 con chung là Nguyễn Cao Kỳ D , sinh ngày 27/01/2000 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 22/02/2002 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Mỹ Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ Q và anh Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã X , huyện M, tỉnh Đ nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Mỹ Q khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu về nhà chửi bới, xúc phạm danh dự, đánh đập chị và phá hỏng đồ đạc trong nhà gây áp lực, khủng hoảng, sợ hãi cho chị. Chị Q cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T . AnhT cũng thừa nhận cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh chị không có tiếng nói chung nhưng không đồng ý ly hôn với chị Q vì lý do anh muốn hàn gắn tình cảm nhưng anh T cũng không đưa ra được phương án hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Q kiên quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn không yêu cầu hòa giải. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị Q và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh chị có 04 người con chung là Nguyễn Cao Kỳ D , sinh ngày 27/01/2000, Nguyễn Hoàng Kh , sinh ngày 22/02/2002, cháu Nguyễn Hoài Bảo Tr , sinh ngày 05/01/2007 và cháu Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/11/2013. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Hoài Bảo Tr và cháu Nguyễn Đình S, chị Q đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, cháu Trâm và cháu Toàn cũng có nguyện vọng được sống với anh T nên giao các cháu Nguyễn Hoài Bảo Tr , Nguyễn Đình S cho anh T nuôi dưỡng để cháu có thể phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với 02 con chung là Nguyễn Cao Kỳ D , sinh ngày 27/01/2000, cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 22/02/2002 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị Q và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5] Về nợ chung: Chị Q và anh T đều trình bày anh chị không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 81, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý vàT dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Q.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ Q được ly hôn với anh Nguyễn Đình T .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Bảo Tr , sinh ngày 05/01/2007 và cháu Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/11/2013 anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi

dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mỹ Q được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Đình T .

Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Mỹ Q và anh Nguyễn Đình T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Mỹ Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Mỹ Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai thu số 0004999 ngày 29 tháng 4 năm 2021 được khấu trừ vào án phí. Chị Nguyễn Thị Mỹ Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ Q và anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh